

Số: GP-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 4421/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án Khu dịch vụ tổng hợp Thanh Thanh Tùng tại xã Đông Hưng (nay là phường An Hưng), thành phố Thanh Hóa; Quyết định số 2812/QĐ-UBND ngày 26/7/2021 của UBND tỉnh về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu dịch vụ tổng hợp Thanh Thanh Tùng tại xã Đông Hưng (nay là phường An Hưng), thành phố Thanh Hóa; Quyết định 1432/QĐ-UBND ngày 28/4/2023 của UBND tỉnh Thanh Hóa về việc chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Khu dịch vụ tổng hợp Thanh Thanh Tùng tại phường An Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa (điều chỉnh lần 2);

Xét hồ sơ kèm theo Công văn số 09/CV-TĐ ngày 02/4/2024 của Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng và Công văn số 29/CV-TTT ngày 29/11/2024 của Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng về việc chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Thanh Thanh Tùng tại phường An Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1831/TTr-STNMT ngày 04 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng (địa chỉ tại Phố Quang, phường An Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của “Dự án Khu dịch vụ tổng hợp Thanh Thanh

Tùng tại phường An Hưng, thành phố Thành Hóa, tỉnh Thanh Hóa”, với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án: Khu dịch vụ tổng hợp Thanh Thanh Tùng.

1.2. Địa điểm hoạt động: Phường An Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 2800589532, đăng ký lần đầu ngày 04/05/2010; đăng ký thay đổi lần thứ 4, ngày 18/2/2021; cơ quan cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa.

1.4. Loại hình sản xuất kinh doanh: Dịch vụ thương và thương mại tổng hợp.

1.5. Quy mô của dự án đầu tư:

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án là 6.000m².

- Các hạng mục công trình của dự án: Khu dịch vụ thương mại tổng hợp (03 tầng, diện tích xây dựng khoảng 970m²), nhà điều hành dịch vụ thương mại (05 tầng, khoảng 365m²), nhà hàng - Bar coffee (02 tầng, khoảng 400m²), Gara chăm sóc xe hơi (01 tầng, khoảng 460 m²), nhà chòi giải khát (01 tầng, khoảng 55m²), nhà điện nước (01 tầng, khoảng 80m²) và các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật phụ trợ khác.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải sau xử lý ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép cho các công trình xây dựng theo đúng thiết kế và vận hành ổn định các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo

quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất thải, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm**.

(từ ngày 15 tháng 12 năm 2024 đến ngày 15 tháng 12 năm 2034).

Điều 4. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về tính chính xác của các số liệu tại Giấy phép này;

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật; xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật nếu có vi phạm; chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước UBND tỉnh về nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với các yêu cầu bảo vệ môi trường, chất lượng chất thải và tiếng ồn của dự án được cấp phép ra môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng (để t/hiện)
- Sở TN&MT (để theo dõi);
- UBND TP Thanh Hoá (để theo dõi);
- Lưu: VT, PgNN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Đức Giang

PHỤ LỤC 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ Khu dịch vụ thương mại tổng hợp gồm: Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) sau bể tự hoại và nước thải rửa tay chân.

- Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ Nhà điều hành dịch vụ thương mại tổng hợp gồm: Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) sau bể tự hoại và nước thải rửa tay chân.

- Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ Nhà hàng Bar - Coffee gồm: Nước thải từ rửa tay chân, nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện), nước thải từ bồn rửa dụng cụ pha chế cà phê và nước thải nấu ăn sau bể tách mỡ.

- Nguồn số 4: Nước thải phát sinh từ Gara chăm sóc xe hơi gồm: Nước thải rửa tay chân; nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) và nước thải từ quá trình rửa xe sau bể lắng cát, tách dầu, mỡ.

2. Dòng nước xả thải vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Dòng nước thải xả vào nguồn tiếp nhận:

Dự án có 01 (một) dòng nước thải sau Hệ thống xử lý nước thải tập trung chảy theo đường ống D250 ra mương tiêu nội đồng khu vực dự án.

2.2. Nguồn tiếp nhận nước thải:

Mương tiêu nội đồng khu vực dự án thuộc phường An Hưng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

2.3. Vị trí xả nước thải:

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105° , múi chiếu 3°): X= 2188532 (m); Y= 578574(m)

- Điểm xả nước thải sau xử lý phải được lắp đặt biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát hoạt động xả thải theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

2.4. Lưu lượng xả thải lớn nhất: 26,53 m³/ngày.đêm.

2.4.1. Phương thức xả nước thải:

- Phương thức xả thải: Tự chảy ra nguồn tiếp nhận.

- Hình thức xả: Xả mặt.

2.4.2. Chế độ xả nước thải: Liên tục 24 giờ/ngày.đêm.

2.4.3. Chất lượng nước thải:

Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các thông số không vượt quá giá trị tối đa cho phép theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp (cột B, $K_q = 0,9$; $K_f = 1,2$). Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, $K_q=0,9$; $K_f=1,2$)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	pH	-	5,5 - 9	Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	54		
3	COD	mg/l	162		
4	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	108		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	12		
6	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10,8		
7	Tổng N	mg/l	43,2		
8	Tổng P	mg/l	6,48		
9	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn nước thải đưa về hệ thống xử lý.

- **Nguồn số 1:** Nước thải phát sinh từ Khu dịch vụ thương mại tổng hợp

Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → ống uPVC D110 → bể tự hoại 3 ngăn (đặt ngầm tại Khu dịch vụ thương mại tổng hợp); nước thải sau bể tự hoại và nước thải rửa tay chân → Đường ống uPVC D90 → Hệ thống thu gom nước thải D250 → Hệ thống XLNT tập trung;

- **Nguồn số 2:** Nước thải phát sinh từ Nhà điều hành dịch vụ thương mại tổng hợp

Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) → ống uPVC D110 → bể tự hoại 3 ngăn (đặt ngầm tại nhà Điều hành) để xử lý sơ bộ; Nước thải sau bể tự hoại và nước thải rửa tay chân → Đường ống uPVC D90 → ống uPVC D110 → Hệ thống thu gom nước thải D250 → Hệ thống XLNT tập trung.

- **Nguồn số 3:** Nước thải phát sinh từ Nhà hàng Bar - Coffee

Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) sau bể tự hoại 3 ngăn và Nước thải rửa tay chân, nước thải rửa dụng cụ pha chế cà phê → giỏ lưới thu rác → đường ống

uPVC D90 cùng nước thải nấu ăn sau bể tách mỡ → Hệ thống thu gom nước thải D250 → Hệ thống XLNT tập trung;

- **Nguồn số 4:** Nước thải từ hoạt động rửa xe, nước thải sinh hoạt tại Gara chăm sóc xe hơi

Nước thải vệ sinh (đại tiện, tiểu tiện) sau bể tự hoại 3 ngăn và nước thải rửa tay chân cùng nước thải từ quá trình rửa xe → bể lọc cát, tách dầu, mỡ → Hệ thống thu gom nước thải D250 → Hệ thống xử lý nước thải tập trung.

Toàn bộ dòng nước thải phát sinh được thu gom triệt để về hệ thống xử lý tập trung xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp theo đường ống D250 → hướng tiêu phía Nam dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

1.2.1. Công trình xử lý sơ bộ

- Bể tự hoại:

Nhà dịch vụ thương mại tổng hợp: 02 bể (16m³/bể); Nhà điều hành dịch vụ thương mại: 01 bể (3m³); Nhà hàng bar- coffee: 02 bể (32m³/bể); Gara chăm sóc xe hơi: 01 bể (9m³).

- Bể tách dầu mỡ: 01 bể tách dầu mỡ dung tích 6,0m³ tại nhà hàng Bar-coffee.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải từ các nguồn → Bể thu gom/Điều hòa → Bể keo tụ-tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể thiếu khí/Anoxic → Bể hiếu khí/Aerotank → Bể lắng sinh học → Khử trùng.

- Công suất thiết kế: 30m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: Clorine/NaOH (hoặc các hóa chất khác tương đương, đảm bảo chất lượng nước thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống quan trắc tự động đối với nước thải.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Để đảm bảo cho việc khắc phục khi có sự cố xảy ra đối với thiết bị xử lý NTKT. Chủ dự án trang bị 01 téc chứa nước thải với thể tích 40m³ đặt cạnh thiết bị xử lý NTKT để chứa nước thải của dự án trong 1 ngày khi có sự cố xảy ra.

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị số lượng máy móc thiết bị (máy bơm, máy thổi khí...) gấp đôi số lượng cần để vận hành như: Trang bị 02 máy bơm tại các vị trí cần lắp đặt 01 máy bơm; 02 máy thổi khí,.. để 01 máy chạy, 01 máy dự phòng khi có sự cố; lắp đặt

thiết bị bảo vệ cho máy bơm, máy nén khí, máy khuấy (Zơ lơ nhiệt, Atomat, khởi động từ, phao điện, thiết bị chống mất pha, chống đảo pha...) đảm bảo yêu cầu kỹ thuật; lắp đặt đèn tín hiệu, còi báo dừng hoạt động các thiết bị khi có sự cố; mua sắm thêm máy móc, thiết bị dự phòng và tập kết trong kho của Trạm xử lý để thay thế khi cần thiết.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung theo đúng quy trình kỹ thuật. Nhân viên kỹ thuật, thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị và dự phòng thiết bị thay thế.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát các thông số ô nhiễm trong nước thải, đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép mới được xả thải ra môi trường.

- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành các hệ thống xử lý nước thải và ghi chép vào sổ giám sát hàng ngày.

- Định kỳ hàng năm, thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc của các hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và xả nước thải sau xử lý.

- Khi hệ thống xử lý nước thải tập trung có sự cố hoặc nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục, dừng ngay việc xả nước thải ra nguồn tiếp nhận để thực hiện các biện pháp khắc phục như sau:

+ Thu gom lưu giữ tại téc chứa nước thải đã được đầu tư, tập trung nguồn lực khẩn trương tiến hành sửa chữa, thay thế thiết bị để khắc phục sự cố của Hệ thống xử lý nước thải tập trung. Sau khi khắc phục xong sự cố, bơm nước thải quay lại hệ thống để đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.4.3 phần A của Phụ lục này trước khi xả ra nguồn nước tiếp nhận.

+ Trường hợp xảy ra sự cố nghiêm trọng phải báo cáo với chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường để được hướng dẫn thực hiện khắc phục sự cố.

- Đối với nước thải sau hệ thống xử lý nước thải tập trung có các thông số ô nhiễm vượt quy chuẩn cho phép chảy ra nguồn tiếp nhận nước thải, đơn vị quản lý vận hành hệ thống hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 03 tháng, sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2.3. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 30m³/ngày.đêm.

2.3.1. Vị trí lấy mẫu.

- 01 (một) mẫu nước thải tại bể thu gom nước thải trước khi vào hệ thống xử

lý NT tập trung.

- 01 (một) mẫu nước thải tại bể khử trùng của Hệ thống xử lý nước thải tập trung trước khi thải ra môi trường.

2.3.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.4.3. Phần A Phụ lục này).

2.3.3. *Tần suất lấy mẫu:* Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng nước thải quy định tại Mục 2.4.3 Phần A của Phụ lục này và công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố nước thải đảm bảo không xả nước thải ra môi trường trong trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải.

3.2. Bố trí đủ nguồn lực, thiết bị bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Lắp đặt đầy đủ biển báo, ký hiệu chỉ dẫn đối với điểm xả thải nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường; lắp đặt công tơ điện, đồng hồ đo lưu lượng nước thải đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải (gồm: Lưu lượng đầu vào và đầu ra; lượng điện tiêu thụ; lượng hóa chất sử dụng...). Trong quá trình vận hành thử nghiệm, có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung quy định tại khoản 7 và 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường này thì phải thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

3.5. Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả nước thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ
KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải:

- Nguồn số 01: Khí thải từ phòng sơn sấy gốc nước sấy điện.
- Nguồn số 02: Khí thải từ phòng sơn sấy gốc nước và gốc dầu kết hợp.
- Nguồn số 03: Khí thải từ phòng sơn nhanh.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01 (tương ứng với nguồn số 01): Tại Ống thải đầu ra của bộ hút khí thải đập bụi bằng nước và xử lý mùi bằng than hoạt tính phòng sơn sấy gốc nước sấy điện. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105^o, múi chiều 3^o): X = 2188511 (m); Y = 578618 (m).

- Dòng khí thải số 02 (tương ứng với nguồn số 02): Tại Ống thải đầu ra của bộ hút khí thải đập bụi bằng nước và xử lý mùi bằng than hoạt tính phòng sơn sấy gốc nước và gốc dầu kết hợp. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^o, múi chiều 3^o. Tọa độ: X = 2188512 (m); Y = 578622 (m);

- Dòng khí thải số 03 (tương ứng với nguồn số 03): Tại Ống thải đầu ra của bộ hút khí thải đập bụi bằng nước và xử lý hơi dung môi (hơi sơn) bằng than hoạt tính của Phòng sơn nhanh. Tọa độ vị trí xả khí thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 105^o, múi chiều 3^o. Tọa độ: X = 2188514 (m); Y = 578626 (m);

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 36.000m³/h, trong đó:

- Dòng số 01: 12.000 m³/h.
- Dòng số 02: 12.000 m³/h.
- Dòng số 03: 12.000 m³/h.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Phương thức xả thải của dòng khí thải số 01, 02 và 03: Xả gián đoạn (chỉ xả khí thải khi hoạt các phòng sơn nhanh và Sơn sấy hoạt động).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, cụ thể như sau:

- Dòng khí thải số 01, 02 và số 03 phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 20:2009/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Benzen	mg/Nm ³	5	Thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng
2	Toluen	mg/Nm ³	750		
3	Xylen	mg/Nm ³	870		

B. CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải phát sinh đưa về hệ thống xử lý:

Bụi, khí thải (bụi sơn, hơi sơn) từ phòng sơn nhanh và sơn sấy → Tấm lọc bông thủy tinh ở mặt sàn phòng sơn → Giàn phun nước dập bụi → Đường ống bằng thép → Tấm lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát → Môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

Tại các buồng sơn nhanh và sơn sấy được tích hợp luôn hệ thống xử lý khí thải đồng bộ bằng phương pháp hấp phụ bụi bằng bông thủy tinh và làm sạch khí bằng phương pháp hấp phụ than hoạt tính.

Các thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý như sau:

- *Đối với 01 phòng sơn nhanh:* Quạt hút công suất mô tơ hút 4,0Kw; lưu lượng 12.000 m³/h; các tấm bông thủy tinh lọc bụi và các tấm than hoạt tính hấp phụ hơi sơn.

- *Đối với 02 phòng sơn sấy:*

+ *Xử lý bụi sơn và hơi sơn:* Quạt hút công suất mô tơ hút 4,0Kw; lưu lượng 12.000 m³/h; các tấm bông thủy tinh lọc bụi và các tấm than hoạt tính hấp phụ hơi sơn.

- *Hóa chất, vật liệu sử dụng:* Bông thủy tinh, than hoạt tính (hoặc các hóa chất khác tương đương đảm bảo chất lượng khí thải sau xử lý đạt yêu cầu và không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục 2.2.2 phần A của Phụ lục này).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thực hiện các biện pháp quản lý, giám sát hoạt động của hệ thống xử lý khí thải để có biện pháp kịp thời ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý khí thải.

- Trang bị các thiết bị dự phòng cho hệ thống xử lý khí thải. Thường xuyên kiểm tra đường ống công nghệ, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Thường xuyên thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý khí thải bảo đảm hệ thống hoạt động ổn định.

- Khi có sự cố, dừng hoạt động sơn, sấy kiểm tra hệ thống xử lý bụi, khí thải và hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật

và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thuộc đối tượng phải vận hành Hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 4 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2.2. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến 03 tháng, sau khi được cấp giấy phép môi trường.

2.3. Công trình, thiết bị thu gom, xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý hơi dung môi (hơi sơn) bằng than hoạt tính của Phòng sơn sấy gốc nước sấy điện, Phòng sơn sấy gốc nước và gốc dầu kết hợp và sơn nhanh.

2.3.1. Vị trí lấy mẫu.

- Trên thân ống thải đầu ra của hệ thống xử lý hơi dung môi (hơi sơn) bằng than hoạt tính của Phòng sơn sấy gốc nước sấy điện, Phòng sơn sấy gốc nước và gốc dầu kết hợp và phòng sơn nhanh.

2.3.2. *Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:* (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Mục 2.2.2. Phần A Phụ lục này).

2.3.3. *Tần suất lấy mẫu:* Thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Định kỳ hàng năm, thực hiện duy tu, bảo dưỡng thiết bị xử lý bụi, khí thải và máy phát điện dự phòng theo quy định của nhà sản xuất.

3.3. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình xử lý bụi, khí thải. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý khí thải.

3.4. Định kỳ thay tấm lọc bông thủy tinh, than hoạt tính theo khuyến cáo của nhà sản xuất hệ thống. Bông thủy tinh và than hoạt tính sau khi thải bỏ được lưu giữ và xử lý như chất thải nguy hại.

3.5. Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc xả khí thải ra môi trường không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này./.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM CÁC GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Máy thổi khí của thiết bị xử lý nước thải tại chỗ.
- Nguồn số 02: Tiếng ồn phát sinh tại khu vực đặt máy phát điện.
- Nguồn số 03: Từ hoạt động của động cơ cung cấp nhiệt cho phòng sơn;
- Nguồn số 04: Từ máy móc, thiết bị phục vụ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng ô tô;

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Nằm trong khuôn viên dự án tại phường An Hưng, Tp. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Tọa độ đại diện vị trí phát sinh tiếng ồn và độ rung theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 105°, múi chiếu 3°, như sau:

- Tọa độ nguồn số 01: X= 2188439 (m); Y= 578636 (m);
- Tọa độ nguồn số 02: X= 2188439 (m); Y= 578647 (m);
- Tọa độ nguồn số 03: X= 2188505 (m); Y= 578632 (m);
- Tọa độ nguồn số 04: X= 2188508 (m); Y= 578624 (m);

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và giới hạn tối đa cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dB)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dB)		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

1.1. Lắp đặt dây chuyền công nghệ sửa chữa, bảo hành (máy móc, thiết bị, động cơ) đúng tiêu chuẩn thiết kế để hạn chế rung động và tiếng ồn: đế móng đặt các thiết bị có tải trọng lớn xây dựng chắc chắn, lắp đặt đệm giảm sóc dưới chân các loại máy móc. Thường xuyên bảo dưỡng dây chuyền, vận hành đúng công suất thiết kế, bôi trơn dầu mỡ, tu sửa các ổ đỡ, trục máy.

1.2. Xây hàng rào bảo vệ xung quanh khu vực dự án.

1.3. Trang bị thiết bị bảo hộ giảm tiếng ồn (nút bịt tai) cho công nhân làm việc trực tiếp tại các nguồn gây ồn, đồng thời theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động của công nhân.

1.4. Tại khu vực có độ ồn cao và thường xuyên, bố trí lao động luân phiên ca làm việc.

1.5. Sử dụng các loại máy móc mới, thiết bị hiện đại ít tiếng ồn và độ rung thấp.

1.6. Thực hiện bảo trì thường xuyên các máy móc thiết bị để máy luôn hoạt động ở tình trạng tốt nhất, hạn chế tiếng ồn phát ra do máy móc hoạt động lâu ngày gây nên.

1.7. Các phương tiện vận chuyển và xe ra vào cần tuân thủ biển báo và tốc độ khi đi vào đường nội bộ cơ sở, không bóp còi liên tục;

1.8. Định kỳ bảo dưỡng và kiểm định xe theo quy định.

1.9. Tăng cường trồng cây xanh bố trí để hạn chế sự phát tán của bụi, khí thải và tiếng ồn. Ngoài ra các công viên, vườn hoa được bố trí để hạn chế và cũng tham gia một phần trong việc điều hoà không khí

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung./.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh tại dự án:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (Kg/năm)	Trạng thái tồn tại
1	Dầu thải	17 02 03	4.800	Lỏng
2	Chất thải hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, bao tay, vải bảo vệ thiết bị nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	72	Rắn
3	Bao bì, thùng chứa sơn, thùng hóa chất bằng kim loại	18 01 01	150	Rắn
4	Can nhựa đựng dầu nhớt thải	18 01 03	50	Rắn
5	Bóng đèn huỳnh quang hỏng	16 01 06	85	Rắn
6	Pin, ắc quy thải	16 01 12	30	Rắn
7	Bộ lọc dầu nhớt thải	15 01 02	33	Rắn
8	Hộp mực in thải	19 06 01	12	Rắn
9	Cát nhiễm dầu	07 01 10	4.000	Rắn
10	Than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	12 01 04	300	Rắn
	Tổng		9.532	

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Sắt vụn	120
2	Xăm, lớp ô tô	120
3	Phụ tùng thải (bằng sắt)	180
4	Kính xe	120
5	Đồ nhựa cũ, hỏng	300
6	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải	29.050
	Tổng	29.890

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên	81
	Tổng	81

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại.

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa

- Thùng lưu chứa có nắp đậy, dung tích (50 - 220) lít.
- Bao bì ghi nhãn mác của từng loại CTNH được lưu giữ.

2.1.2. Khu vực lưu chứa

- Thiết kế, cấu tạo: Diện tích: 10m², móng bê tông cốt thép, có mái che (mái lợp tôn), có biển tên, nhãn dán, nền đổ bê tông xi măng, có gờ chống tràn chất lỏng. Tường xây gạch đặc 220, bao che trát vữa xi măng mác 75, sơn tường. Bên trong chia thành 6 ô, ngăn cách bằng tường cao 1m; trong mỗi ô bố trí các thùng chứa đối với từng loại chất thải, có gắn biển báo nhãn mác, phía bên ngoài có biển cảnh báo CTNH theo đúng quy định.

- Khu lưu chứa CTNH phải đáp ứng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được định kỳ chuyển giao cho các đơn vị chức năng thu gom, xử lý.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.2.1. Thiết bị lưu chứa

- Thùng lưu chứa: 5l - 120l.

2.2.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu tập kết chất thải tạm thời: có diện tích 10m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Mái che bằng tôn, nền láng bê tông chống thấm.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.3.1. Thiết bị lưu chứa

- Thùng lưu chứa: Sử dụng bì, thùng.

2.3.2. Khu vực lưu chứa:

- Khu tập kết chất thải tạm thời: có diện tích 10m².
- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Mái che bằng tôn, nền láng bê tông chống thấm.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công

nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và sự cố khác theo quy định của pháp luật.

2. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo Tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại.

3. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

4. Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP/.

PHỤ LỤC 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GP-UBND ngày / /2024
của UBND tỉnh Thanh Hóa)*

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ TIẾP TỤC THỰC HIỆN SAU KHI ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG TRONG GIAI ĐOẠN THI CÔNG DỰ ÁN:

1. Các hạng mục, công trình xây dựng:

Triển khai thi công các hạng mục, công trình của dự án; Khuôn viên cây xanh, sân đường nội bộ; Hệ thống cấp điện; Hệ thống cấp nước; Hệ thống PCCC; Hệ thống thu gom và thoát nước mưa; Hệ thống thoát nước thải,...

2. Các công trình, yêu cầu bảo vệ môi trường.

2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Đối với nước mưa chảy tràn: Tạo hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm thời, trên đường thoát nước mưa bố trí hố ga tạm (có kích thước $d_{xrxh} = 0,5m \times 0,6m \times 0,5m$) để lắng loại bỏ bùn đất, khoảng cách các hố ga là 100m, sau đó chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Đối với nước thải từ quá trình rửa tay chân có khối lượng là $1,09 m^3/ngày$ chủ đầu tư sẽ trang bị 01 hố thu gom của 01 trạm rửa xe bố trí tại khu lán trại (dung tích bể xây dựng $3,0 m \times 2 m \times 1,5 m$) để thu gom và xử lý trước khi thải ra môi trường tiếp nhận là ruộng hiện trạng phía Bắc dự án;

- Đối với nước thải vệ sinh của công nhân thi công → 02 nhà vệ sinh di động → Định kỳ thuê đơn vị có chức năng hút cặn bể phốt.

- Đối với nước thải từ rửa xe, máy móc → Rãnh xi măng → Bể lắng có dung tích $V = 3,0m^3$ (xây dựng bằng cách đào hồ sau đó dùng vải địa kỹ thuật (HDPE) lót đáy và thành chống thấm, bể lắng gồm 2 ngăn bởi vách ngăn lửng, trong bể có bố trí 1 phao quay thu vớt dầu) → Tái sử dụng để vệ sinh thiết bị, máy móc thi công, phần không sử dụng hết thải ra ruộng thoát nước chung. Dầu nổi được thu đưa vào thùng đựng dầu dung tích $0,5m^3$ đã được trang bị tại khu vực lán trại để đựng CTNH, công việc này được thực hiện bởi các cán bộ công nhân tại dự án..

2.2. Về xử lý bụi, khí thải:

- Không sử dụng phương tiện giao thông và máy móc quá cũ để vận chuyển nguyên vật liệu thi công công trình;

- Không chuyên chở vượt tải trọng kiểm định;

- Thường xuyên bảo dưỡng máy móc thiết bị trên công trường;
- Các phương tiện vận chuyển phải được phủ bạt công nghiệp nhằm tránh rơi rớt và phát tán bụi, bạt được phủ kín thùng xe và buộc chặt.

2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường

- Bố trí đầy đủ thùng chứa rác (loại 100 lít) đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom rác thải;
- Các loại chất thải rắn như bìa cattông, các mẫu sắt thừa,... thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.
- Chất thải xây dựng gồm: Đất đá thải, gạch ngói vỡ, bê tông, xi măng, vữa trộn thừa... tận dụng san lấp mặt bằng của dự án.
- Đất đào hố móng công trình tận dụng làm vật liệu tôn nền các công trình xây dựng dự án.
- Chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn thông thường khác thu gom và đem đến khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường tạm thời. Tại khu vực lưu giữ bố trí các thùng, xe chứa rác thải để lưu giữ và phân loại chất thải, khu vực lưu giữ có mái che, quây xung quanh.
- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

- Bố trí các thùng chứa chuyên dụng 100 lít có nắp đậy kín đặt tại khu vực lán trại để thu gom.
- Lưu giữ tại khu vực có diện tích 10m², quây kín, có mái che, nền cao tránh nước mưa chảy tràn.
- Ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

2.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và các tác động khác

- Lắp đặt các thiết bị giảm tiếng ồn, độ rung cho các máy móc có tiếng ồn, độ rung cao như: máy hàn, cắt,... Không sử dụng các máy móc thi công đã cũ, hệ thống giảm âm bị hỏng vì gây ra ô nhiễm tiếng ồn lớn. Thường xuyên bảo dưỡng bộ phận giảm âm ở các thiết bị máy móc thi công;
- Quy định tốc độ của xe và máy móc khi hoạt động trong khu vực thực hiện dự án;
- Các phương tiện vận chuyển hạn chế dừng còi trong khu đông người;
- Các xe vận chuyển nguyên liệu cho dự án không vận chuyển quá tải tránh ảnh hưởng đến tuyến đường;
- Phối hợp với địa phương về việc khai báo tạm trú, tạm vắng của cán bộ, công nhân viên tham gia thi công dự án.

2.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Sự cố về máy móc thiết bị: Định kỳ bảo dưỡng máy móc, thiết bị tham gia thi

công dự án.

- Sự cố ngập úng khu vực xung quanh: Thi công đúng tiến độ, đúng thiết kế xây dựng. Tránh làm rơi vãi các loại chất thải xuống hệ thống thoát nước làm tắc đường ống thoát nước của khu vực thực hiện dự án và khu vực xung quanh dự án.

- Sự cố tai nạn lao động: Trang bị đồ bảo hộ lao động đầy đủ cho công nhân và lập quy tắc an toàn lao động

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Công ty TNHH Thanh Thanh Tùng phải thực hiện:

- Quản lý chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Quyết định số 13/2022/QĐ-UBND ngày 02/3/2022, Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định.

- Thực hiện công trình bảo vệ môi trường và vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Quyền, nghĩa vụ của chủ dự án đầu tư, cơ sở được cấp giấy phép môi trường theo quy định tại Điều 47 của Luật BVMT năm 2020.

- Vận hành thường xuyên, đúng quy trình đối với các công trình bảo vệ môi trường nêu trong Giấy phép môi trường này, đảm bảo các loại chất thải phát sinh phải được xử lý theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Kiểm soát thông số ô nhiễm trong nước thải bảo đảm nước thải sau xử lý đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp QCVN 40:2011/BTNMT (cột B, $K_q=0,9$; $K_f= 1,2$); khuyến khích tái sử dụng nước thải sau xử lý nhằm tiết kiệm tài nguyên và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

- Kiểm soát hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung đảm bảo không phát sinh mùi hôi từ hệ thống xử lý ra môi trường xung quanh.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động theo đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường. Tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành.

- Thực hiện quản lý bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và biện pháp ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật, trong đó có nội dung cập nhật về khối lượng, chủng loại chất thải phát sinh theo quy định./.